

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - TÂY NINH
Bản án số: 129/2025/HNGĐ-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 08/10/2025

*“v/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con; tranh
chấp về cấp dưỡng”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Lâm Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 306/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con; tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2025/QĐST-DS ngày 30/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 2000. Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (ấp T, xã M, tỉnh Tây Ninh)**.

Bị đơn: Anh **Ca Nhựt T1**, sinh năm 1998. Địa chỉ: **ấp K, xã M, huyện C, tỉnh Long An (nay là ấp K, xã M, tỉnh Tây Ninh)**. Tạm trú: **khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố A, phường A, tỉnh Tây Ninh)**.

(chị Trần Thị Thanh T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh Ca Nhựt T1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/6/2025 và bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Trần Thị Thanh T đã trình bày:**

- Về mối quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **C** Nhựt Tân tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **C**, tỉnh **Long An** và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122/2019 ngày 04/12/2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh **T1** không chăm lo làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình, ngược lại còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và bỏ nhà đi qua thị xã **T** sinh sống trong thời gian chị **T** mang thai người con thứ hai. Chị **T** và anh **T1** ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Chị **T** nhận thấy tình cảm giữa chị **T** và anh **T1** không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hòa giải, hàn gắn được. Do đó, chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **Ca Nhựt T1**.

- Về con chung: Chị **T** và anh **T1** có 02 người con chung tên **Ca Nhựt Duy K**, sinh ngày 17/02/2021 và **Ca Nhựt Duy K1** sinh ngày 18/12/2024, hiện cả hai đang sống với chị **T**. Khi ly hôn, chị **T** yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 5.000.000 đồng/ 01 tháng. Tuy nhiên, chị **T** nhận thấy rằng hiện nay anh **T1** không có công việc và không có thu nhập nên chị **T** có đơn rút yêu cầu cấp dưỡng ngày 12/9/2025 đối với anh **T1**.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian sống chung chị **T** với anh **T1** không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên chị **T** không yêu cầu đặt ra giải quyết.

Bị đơn – anh **Ca Nhựt T1:** Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh **T1** không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện

đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Trần Thị Thanh T** đối với anh **Ca Nhựt T1**.

Về con chung: Giao con chung tên **Ca Nhựt Duy K**, sinh ngày 17/02/2021 và **Ca Nhựt Duy K1** sinh ngày 18/12/2024, cho chị **T** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị **T**. Ghi nhận chị **T** không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **T** trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh **T1** không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị **T** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **T1** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh **T1** tạm trú: **khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố A, phường A, tỉnh Tây Ninh)** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh được quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị **T** vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị **T**. Đối với anh **T1** vắng

mặt nhưng không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh T1 là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh T1 tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122/2019 ngày 04/12/2019 nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Chị T trình bày, chị T và anh T1 sống hạnh phúc đến năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 không chăm lo làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình và bỏ nhà đi qua phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường A, tỉnh Tây Ninh) sinh sống trong thời gian chị T mang thai người con thứ hai. Xét thấy, lời trình bày của chị T là phù hợp với lời khai của người làm chứng nên có căn cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 như chị T trình bày. Mặt khác, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã cấp, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần cho anh T1, nhưng anh T1 không đến và không trình bày ý kiến hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, điều này thể hiện anh T1 không có thiện chí hoà giải, đoàn tụ và không có giải pháp hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Xét yêu cầu nuôi con của chị T: Nhận thấy, chị T và anh T1 có 02 người con chung tên Ca Nhựt Duy K, sinh ngày 17/02/2021 và Ca Nhựt Duy K1 sinh ngày 18/12/2024, hiện đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, từ khi chị T và anh T1 ly thân, cháu K và cháu K1 được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, đảm bảo điều kiện vật chất và tinh thần để cháu K và cháu K1 phát triển toàn diện. Mặt khác, cháu K1 dưới 36 tháng tuổi nên cần tiếp tục giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu K và cháu K1 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng: Ngày 12/9/2025, chị T có đơn rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh T1. Căn cứ vào Điều 5; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Ghi nhận chị **T** không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con. Anh **T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung: Chị **T** trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị **T** trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh **T1** không phải chịu án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Trần Thị Thanh T** đối với anh **Ca Nhựt T1**. Chị **Trần Thị Thanh T** được ly hôn với anh **Ca Nhựt T1**.

2. Về con chung: Giao con chung tên **Ca Nhựt Duy K**, sinh ngày 17/02/2021 và **Ca Nhựt Duy K1** sinh ngày 18/12/2024 cho chị **Trần Thị Thanh T** được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con của chị **Trần Thị Thanh T** đối với anh **Ca Nhựt T1**. Chị **Trần Thị Thanh T** được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận chị **Trần Thị Thanh T** không yêu cầu anh **Ca Nhựt T1** cấp dưỡng nuôi con. Anh **Ca Nhựt T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị **Trần Thị Thanh T** và thành viên gia đình không được cản trở anh **Ca Nhựt T1** thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị **Trần Thị Thanh T** trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị **Trần Thị Thanh T** trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị **Trần Thị Thanh T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị **Trần Thị Thanh T** đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012793 ngày 12/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng THADS khu vực 12 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh). Anh **Ca N T1** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Chị **Trần Thị Thanh T** đối với anh **Ca N T1** có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (số: 122/2019 ngày 04/12/2019), nay là UBND xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trang Thái Châu